

# THỜI KHÓA BIỂU MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT

(HỌC KÌ I NĂM HỌC 2026 – 2027)

Áp dụng từ ngày 07 tháng 9 năm 2026

| Buổi  | Tiết | Thứ 2                     |                             |                            | Thứ 3                       |                           |                            | Thứ 4                        |                            |                           | Thứ 5                      |                            |                            | Thứ 6                      |                             |                              |
|-------|------|---------------------------|-----------------------------|----------------------------|-----------------------------|---------------------------|----------------------------|------------------------------|----------------------------|---------------------------|----------------------------|----------------------------|----------------------------|----------------------------|-----------------------------|------------------------------|
| Sáng  | 1-2  |                           |                             |                            | 10 <sup>6</sup><br>T.Trường | 11 <sup>2</sup><br>T.Hậu  | 12 <sup>4</sup><br>T.Ánh   | 10 <sup>10</sup><br>T.Trường | 11 <sup>6</sup><br>T.Hậu   | 12 <sup>8</sup><br>T.Tâm  | 10 <sup>14</sup><br>T.Ánh  | 11 <sup>10</sup><br>T.Tâm  | 12 <sup>12</sup><br>T.Hậu  | 10 <sup>18</sup><br>T.Ánh  | 11 <sup>14</sup><br>T.Tâm   | 12 <sup>16</sup><br>T.Trường |
|       | 3-4  | 10 <sup>2</sup><br>T.Ánh  | 10 <sup>4</sup><br>T.Trường | 12 <sup>2</sup><br>T.Hậu   | 10 <sup>8</sup><br>T.Trường | 11 <sup>4</sup><br>T.Hậu  | 12 <sup>6</sup><br>T.Ánh   | 10 <sup>12</sup><br>T.Trường | 11 <sup>8</sup><br>T.Hậu   | 12 <sup>10</sup><br>T.Tâm | 10 <sup>16</sup><br>T.Ánh  | 11 <sup>12</sup><br>T.Tâm  | 12 <sup>14</sup><br>T.Hậu  | 10 <sup>20</sup><br>T.Ánh  | 11 <sup>16</sup><br>T.Tâm   | 12 <sup>18</sup><br>T.Trường |
| Chiều | 2-3  | 10 <sup>1</sup><br>T.Kiên | 11 <sup>1</sup><br>C.Uyên   | 12 <sup>1</sup><br>T.Thiệp | 10 <sup>5</sup><br>C.Dung   | 11 <sup>3</sup><br>C.Uyên | 12 <sup>3</sup><br>T.Thiệp | 10 <sup>9</sup><br>T.Kiên    | 11 <sup>7</sup><br>T.Thiệp | 12 <sup>7</sup><br>C.Uyên | 10 <sup>13</sup><br>C.Dung | 11 <sup>11</sup><br>C.Uyên | 12 <sup>11</sup><br>T.Kiên | 10 <sup>17</sup><br>T.Kiên | 11 <sup>15</sup><br>T.Thiệp | 12 <sup>15</sup><br>C.Dung   |
|       | 4-5  | 10 <sup>3</sup><br>T.Kiên |                             |                            | 10 <sup>7</sup><br>C.Dung   | 11 <sup>5</sup><br>C.Uyên | 12 <sup>5</sup><br>T.Thiệp | 10 <sup>11</sup><br>T.Kiên   | 11 <sup>9</sup><br>T.Thiệp | 12 <sup>9</sup><br>C.Uyên | 10 <sup>15</sup><br>C.Dung | 11 <sup>13</sup><br>C.Uyên | 12 <sup>13</sup><br>T.Kiên | 10 <sup>19</sup><br>T.Kiên | 11 <sup>17</sup><br>T.Thiệp | 12 <sup>17</sup><br>C.Dung   |

# THỜI KHÓA BIỂU MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH

(HỌC KÌ I NĂM HỌC 2026 – 2027)

Áp dụng từ ngày 07 tháng 9 năm 2026

Ghi chú:  
- Ca lẻ học môn

| Buổi  | Tiết | Thứ 2                     |                           |                           | Thứ 3                     |                         |                           | Thứ 4                      |                         |                            | Thứ 5                      |                          |                            | Thứ 6                      |                          |                            |
|-------|------|---------------------------|---------------------------|---------------------------|---------------------------|-------------------------|---------------------------|----------------------------|-------------------------|----------------------------|----------------------------|--------------------------|----------------------------|----------------------------|--------------------------|----------------------------|
| Sáng  | 1-2  | 10 <sup>2</sup><br>T.Tú   | 10 <sup>4</sup><br>T.Quân | 12 <sup>2</sup><br>C.Thủy | 10 <sup>8</sup><br>T.Quân | 11 <sup>4</sup><br>T.Tú | 12 <sup>6</sup><br>C.Thủy | 10 <sup>12</sup><br>T.Quân | 11 <sup>8</sup><br>T.Tú | 12 <sup>10</sup><br>C.Thủy | 10 <sup>16</sup><br>T.Quân | 11 <sup>12</sup><br>T.Tú | 12 <sup>14</sup><br>C.Thủy | 10 <sup>20</sup><br>T.Quân | 11 <sup>16</sup><br>T.Tú | 12 <sup>18</sup><br>C.Thủy |
|       | 3-4  |                           |                           |                           | 10 <sup>6</sup><br>T.Quân | 11 <sup>2</sup><br>T.Tú | 12 <sup>4</sup><br>C.Thủy | 10 <sup>10</sup><br>T.Quân | 11 <sup>6</sup><br>T.Tú | 12 <sup>8</sup><br>C.Thủy  | 10 <sup>14</sup><br>T.Quân | 11 <sup>10</sup><br>T.Tú | 12 <sup>12</sup><br>C.Thủy | 10 <sup>18</sup><br>T.Quân | 11 <sup>14</sup><br>T.Tú | 12 <sup>16</sup><br>C.Thủy |
| Chiều | 2-3  | 10 <sup>3</sup><br>T.Quân |                           |                           | 10 <sup>7</sup><br>T.Quân | 11 <sup>5</sup><br>T.Tú | 12 <sup>5</sup><br>C.Thủy | 10 <sup>11</sup><br>T.Quân | 11 <sup>9</sup><br>T.Tú | 12 <sup>9</sup><br>C.Thủy  | 10 <sup>15</sup><br>T.Quân | 11 <sup>13</sup><br>T.Tú | 12 <sup>13</sup><br>C.Thủy | 10 <sup>19</sup><br>T.Quân | 11 <sup>17</sup><br>T.Tú | 12 <sup>17</sup><br>C.Thủy |
|       | 4-5  | 10 <sup>1</sup><br>T.Quân | 11 <sup>1</sup><br>T.Tú   | 12 <sup>1</sup><br>C.Thủy | 10 <sup>5</sup><br>T.Quân | 11 <sup>3</sup><br>T.Tú | 12 <sup>3</sup><br>C.Thủy | 10 <sup>9</sup><br>T.Quân  | 11 <sup>7</sup><br>T.Tú | 12 <sup>7</sup><br>C.Thủy  | 10 <sup>13</sup><br>T.Quân | 11 <sup>11</sup><br>T.Tú | 12 <sup>11</sup><br>C.Thủy | 10 <sup>17</sup><br>T.Quân | 11 <sup>15</sup><br>T.Tú | 12 <sup>15</sup><br>C.Thủy |

GDQP vào tuần lẻ (2 tiết GDTC + 2 tiết GDQP), tuần chẵn chỉ học 2 tiết môn GDTC.

- Ca chẵn học môn GDQP vào tuần chẵn (2 tiết GDTC + 2 tiết GDQP), tuần lẻ chỉ học 2 tiết môn GDTC.

**GIÁO VIÊN GIẢNG DẠY MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT**  
**NĂM HỌC 2026 - 2027**

1. Thầy Cao Trung Kiên :  $10^1; 10^3; 10^9; 10^{11}; 10^{17}; 10^{19}; 12^{11}; 12^{13}$  (8 lớp = 16 tiết)
2. Cô Bùi Thị Phương Dung:  $10^5; 10^7; 10^{13}; 10^{15}; 12^{15}; 12^{17}$  (6 lớp = 12 tiết)
2. Thầy Phạm Quang Thiệp :  $11^7; 11^9; 11^{15}; 11^{17}; 12^1; 12^3; 12^5$  (7 lớp = 14 tiết)
4. Cô Nguyễn D.T.T.Uyên :  $11^1; 11^3; 11^5; 11^{11}; 11^{13}; 12^7; 12^9$  (7 lớp = 14 tiết)
5. Thầy Nguyễn Quang Tâm:  $11^{10}; 11^{12}; 11^{14}; 11^{16}; 12^8; 12^{10}$  (6 lớp = 12 tiết)
6. Thầy Lê Đức Ánh :  $10^2; 10^{14}; 10^{16}; 10^{18}; 10^{20}; 12^4; 12^6$  (7 lớp = 14 tiết)
7. Thầy Nguyễn Trung Hậu :  $11^2; 11^4; 11^6; 11^8; 12^2; 12^{12}; 12^{14}$  (7 lớp = 14 tiết)
8. Thầy Giáp Văn Trường :  $10^4; 10^6; 10^8; 10^{10}; 10^{12}; 12^{16}; 12^{18}$  (7 lớp = 14 tiết)

### **GIÁO VIÊN GIẢNG DẠY MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH NĂM HỌC 2026 - 2027**

1. Cô Huỳnh Thị Lộc Thủy:  $12^1; 12^2; 12^3; 12^4; 12^5; 12^6; 12^7; 12^8; 12^9; 12^{10};$   
 $12^{11}; 12^{12}; 12^{13}; 12^{14}; 12^{15}; 12^{16}; 12^{17}; 12^{18}$  (18 lớp)
2. Thầy Trần Tú:  $10^2; 11^1; 11^2; 11^3; 11^4; 11^5; 11^6; 11^7; 11^8; 11^9;$   
 $11^{10}; 11^{11}; 11^{12}; 11^{13}; 11^{14}; 11^{15}; 11^{16}; 11^{17}$  (18 lớp)
3. Thầy Trần Quốc Quân:  $10^1; 10^3; 10^4; 10^5; 10^6; 10^7; 10^8; 10^9; 10^{10}; 10^{11};$   
 $10^{12}; 10^{13}; 10^{14}; 10^{15}; 10^{16}; 10^{17}; 10^{18}; 10^{19}; 10^{20}$  ( 19 lớp )

### **PHÂN CÔNG CHUYÊN MÔN NĂM HỌC 2026 - 2027**

## MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT

| STT | HỌ VÀ TÊN                  | Khối 10   | Khối 11   | Khối 12   | SỐ TIẾT    | KIỂM NHIỆM | TỔNG SỐ TIẾT |
|-----|----------------------------|-----------|-----------|-----------|------------|------------|--------------|
| 1   | Nguyễn Quang Tâm           | 0         | 4         | 2         | 12         | 3          | 15           |
| 2   | Cao Trung Kiên             | 6         | 0         | 2         | 16         | 1          | 17           |
| 3   | Lê Đức Ánh                 | 5         | 0         | 2         | 14         | 0          | 14           |
| 4   | Bùi Thị Phương Dung        | 4         | 0         | 2         | 12         | 0          | 12           |
| 5   | Nguyễn Trung Hậu           | 0         | 4         | 3         | 14         | 0          | 14           |
| 6   | Phạm Quang Thiệp           | 0         | 4         | 3         | 14         | 0          | 14           |
| 7   | Giáp Vân Trường            | 5         | 0         | 2         | 14         | 0          | 14           |
| 8   | Nguyễn Dương Thị Thái Uyên | 0         | 5         | 2         | 14         | 0          | 14           |
|     | <b>TỔNG</b>                | <b>20</b> | <b>17</b> | <b>18</b> | <b>110</b> | <b>4</b>   | <b>114</b>   |

## MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH

| STT | HỌ VÀ TÊN          | Khối 10   | Khối 11   | Khối 12   | SỐ TIẾT   | KIỂM NHIỆM | TỔNG SỐ TIẾT |
|-----|--------------------|-----------|-----------|-----------|-----------|------------|--------------|
| 1   | Trần Quốc Quân     | 19        | 0         | 0         | 19        | 0          | 19           |
| 2   | Trần Tú            | 01        | 17        | 0         | 18        | 0          | 18           |
| 3   | Huỳnh Thị Lộc Thủy | 0         | 0         | 18        | 18        | 1          | 19           |
|     | <b>TỔNG</b>        | <b>20</b> | <b>17</b> | <b>18</b> | <b>55</b> | <b>1</b>   | <b>56</b>    |